

Số: 677/2026/QĐST-VHNGĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 826/2026/TLST-VHNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2026 về việc: “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Chị Phú Ngọc T, sinh năm 1989; CCCD số 096189002320; đăng ký thường trú: Ấp D, xã V, huyện P, tỉnh Cà Mau (nay là xã N, tỉnh Cà Mau); tạm trú: Nhà đất cho thuê ông Nguyễn Tấn T1, đường P, Tổ C, khu phố P, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Anh Lê Hoàng A, sinh năm 1990; CCCD số 094090021287; đăng ký thường trú: Ấp Xây Đ, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã H, thành phố Cần Thơ); tạm trú: Nhà trọ Huỳnh Văn N, Số E, Tổ C, Khu phố B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Lê Hoàng A và chị Phú Ngọc T chung sống và đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, tỉnh Cà Mau (nay là xã N, tỉnh Cà Mau), theo Giấy chứng nhận kết hôn số 26/2015, ngày 27 tháng 02 năm 2015. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh Lê Hoàng A và chị Phú Ngọc T là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Do hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên anh Lê Hoàng A và chị Phú Ngọc T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Do hai bên đã thực sự tự nguyện ly hôn, phù hợp quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên Tòa án công nhận.

[2] *Về con chung*: Anh Lê Hoàng A và chị Phú Ngọc T có 01 người con chung là cháu Lê Thị Ngọc N1, sinh ngày 24/02/2016. Sau khi ly hôn, chị Phú Ngọc T và anh Lê Hoàng A thống nhất giao cho chị Phú Ngọc T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung.

[3] *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Anh Lê Hoàng A và chị Phú Ngọc T tự thỏa thuận nên không yêu cầu xem xét giải quyết.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Anh Lê Hoàng A và chị Phú Ngọc T tự thỏa thuận nên không yêu cầu xem xét giải quyết.

[5] *Về lệ phí sơ thẩm*: Anh Lê Hoàng A và chị Phú Ngọc T mỗi người tự nguyện chịu số tiền 150.000 đồng, phù hợp quy định tại Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên Tòa án ghi nhận.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Lê Hoàng A và chị Phú Ngọc T thuận tình ly hôn với nhau.

1.2. *Về con chung*: Giao chị Phú Ngọc T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Lê Thị Ngọc N1, sinh ngày 24/02/2016.

1.3. *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Anh Lê Hoàng A và chị Phú Ngọc T tự thỏa thuận nên không yêu cầu xem xét giải quyết.

1.4. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai có quyền cấm đoán, ngăn cản. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên có quyền yêu cầu mức cấp dưỡng, xin thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ cho rằng bên kia không đáp ứng được quyền lợi của con.

1.5. *Về tài sản chung, nợ chung*: Anh Lê Hoàng A và chị Phú Ngọc T tự thỏa thuận nên không yêu cầu xem xét giải quyết.

2. *Về lệ phí giải quyết việc dân sự*: Anh Lê Hoàng A và chị Phú Ngọc T mỗi người tự nguyện nộp số tiền 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng), tổng cộng là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng); được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0011780 ngày 26/8/2026 của Thi hành án dân sự thành phố H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND KV15 - TP. Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh
(Phòng THADS Khu vực 15);
- UBND xã Nguyễn Việt Khái, tỉnh Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thế Vọng